

Bản án số: 01/2021/HNGĐ- ST
Ngày 06 tháng 01 năm 2021
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huân.

2. Bà Ngô Thị Kim Thêu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 198/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Giang N, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 11/8/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Giang N trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị M ngày 08 tháng 02 năm 2006 có được tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới, chị M về làm dâu và ở chung với gia đình anh khoảng 01 năm. Sau đó vợ chồng đưa nhau đi làm ăn tại tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Sơn La. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng

quan điểm dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, trong làm ăn không thống nhất được với nhau. Tháng 01/2020 vợ chồng cãi nhau chị M về quê nhà mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Đến nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Xuân B, sinh ngày 03/02/2007 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 14/7/2008. Hiện nay 02 cháu đang ở cùng với a N và ông bà nội. Có sự ly hôn a N xin nuôi cháu B để chị M nuôi cháu T việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 04/11/2020 chị Nguyễn Thị M trình bày: Về điều kiện kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như a N trình bày là đúng còn nguyên nhân mâu thuẫn là do a N là người không chịu khó trong việc làm ăn, làm ít tiêu nhiều, chị tham gia nhưng a N không thay đổi. Do nợ nần, nhiều người đến đòi nợ nên chị bỏ về quê tại xã T làm ăn từ tháng 01/2020, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị cho a N cơ hội để thay đổi nhưng a N không thay đổi gì mà lại chung sống với người phụ nữ khác, chị hỏi tại sao thì a N không thừa nhận. Chị M không có ý kiến gì về việc xử lý a N vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Đến nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, nhưng a N xin ly hôn chị không đồng ý.

Về con chung như a N trình bày là đúng. Ly hôn chị M xin nuôi cả hai con là cháu Nguyễn Xuân B và cháu Nguyễn Xuân T, chị M không yêu cầu a N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, đất canh tác: Chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị M trình bày vợ chồng vay của bố, mẹ chị là ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị NH số tiền 100.000.000 đồng. Ly hôn chị M không đề nghị Tòa án giải quyết về khoản nợ này, chị để vợ chồng chị tự giải quyết.

Lời khai ông Nguyễn Văn A bố chị M trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như thế nào ông không rõ, nhưng từ tháng 01/2020 chị M về quê thuê cửa hàng buôn bán quần áo tại xã T, ông hỏi tại sao chị M chỉ nói do ở Sơn La làm ăn khó khăn nên chị về quê nhưng không về ở cùng nhà với ông. Về khoản nợ chị M khai, ông có vay cho vợ chồng anh chị 100.000.000 đồng, hàng tháng chị M vẫn gửi tiền cho ông trả tiền lãi. Ông mong muốn anh chị đoàn tụ, về khoản nợ ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/10/2020 cháu Nguyễn Xuân B và Nguyễn Xuân T trình bày: Nguyên vọng các cháu mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nếu bố mẹ ly hôn

các cháu đều muốn ở với bố vì từ nhỏ đến nay các cháu đều ở nhà cùng ông bà nội, bố mẹ thường đi làm xa ít khi về nhà, việc học tập của các cháu vẫn bình thường.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chấp hành không đầy đủ về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của a N và đề nghị giao cho a N nuôi cháu B, giao cho chị M nuôi cháu T. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Giang N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị M bị đơn đang làm ăn và cư trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Giang N và chị Nguyễn Thị M là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau kết hôn a N, chị M có thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh chị không có tiếng nói chung, a N không chịu khó làm ăn, nợ nần nhiều dẫn đến chị M bỏ về quê làm ăn, vợ chồng ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Xác minh tại địa phương thể hiện gần đây thấy chị M về ở nhà mẹ đẻ và kinh doanh buôn bán tại địa phương. Chị M cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không về đoàn tụ. Xét yêu cầu xin ly hôn của a N là có căn cứ, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh Nguyễn Giang N được ly hôn chị Nguyễn Thị

M. Chị M thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nhưng không về đoàn tụ và không đồng ý ly hôn chỉ là gây khó khăn cho a N.

Về con chung: Xét đề nghị của a N và chị M cùng xin được nuôi cả hai con. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cả hai cháu đang ở cùng a N và ông bà nội, tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ sau khi ly hôn cần giao cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 14/7/2008 cho chị M nuôi dưỡng để a N nuôi cháu Nguyễn Xuân B, sinh ngày 03/02/2007 là phù hợp, mặt khác vợ chồng có hai con, khi ly hôn mỗi người nuôi một con sẽ đỡ vất vả hơn cho cả hai bên. A N, chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, đất canh tác: A N, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về công nợ: Chị M, a N và ông A không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Giang N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Giang N được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Giang N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Xuân B, sinh ngày 03/02/2007 cho đến khi thành niên. Giao cho chị Nguyễn Thị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 14/7/2008 cho đến khi thành niên. A N, chị M không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: A N, chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Giang N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/ 0000028 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. A N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án a N có mặt có quyền kháng cáo bản án. Chị M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh